

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1194* /QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày *10* tháng *5* năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v giao chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2022 các doanh nghiệp  
do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc UBND tỉnh Quảng Bình**

C.T.Y XÃ HỘI KIẾN THIẾT QUẢNG BÌNH  
ĐẾN Số: *131*  
Ngày: *11/5/22*  
Chuyên:  
Lưu hồ sơ số:

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ; Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh ban hành quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình làm đại diện chủ sở hữu;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 1397/STC-TCĐN ngày 28/4/2022.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao chỉ tiêu kế hoạch tài chính làm căn cứ đánh giá và xếp loại doanh nghiệp năm 2022 cho các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc UBND tỉnh Quảng Bình quản lý như sau:

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

**Điều 2.** Căn cứ các chỉ tiêu được giao trên, doanh nghiệp và các sở, ngành liên quan sử dụng để đánh giá kết quả việc thực hiện nhiệm vụ năm 2022 của các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc các công ty có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. *W*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục TCDN - Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

(b/c)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phan Mạnh Hùng**



## PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số *1141/QĐ*-UBND ngày *10* tháng *5* năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Bình)

| STT | Chỉ tiêu                                       | ĐVT        | CÔNG TY<br>TNHH MTV<br>LCN LONG<br>ĐẠI | CÔNG TY<br>TNHH MTV<br>LÂM CÔNG<br>NGHIỆP<br>BẮC QB | CÔNG TY<br>TNHH MTV<br>XÔ SỎ KIẾN<br>THIỆT | CÔNG TY<br>TNHH MTV<br>KHAI THÁC<br>CT THỦY<br>LỢI |
|-----|------------------------------------------------|------------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 1   | Tổng doanh thu, thu nhập, trong đó:            | Triệu đồng | 113.851                                | 17.661                                              | 185.000                                    | 32.467                                             |
|     | - Tổng doanh thu                               | Triệu đồng | 104.314                                | 12.804                                              | 185.000                                    | 32.467                                             |
|     | - Kinh phí hỗ trợ NSNN để bảo vệ rừng tự nhiên | Triệu đồng | 9.537                                  | 4.857                                               |                                            |                                                    |
| 3   | Lãi, lỗ                                        | Triệu đồng | 1.200                                  | 80                                                  | 3.010                                      |                                                    |
| 3   | Tổng số thuế và các khoản phải nộp NSNN        | Triệu đồng | 3.870                                  | 1.092                                               | 39.301                                     | 815                                                |
| 4   | Vốn điều lệ được phê duyệt                     | Triệu đồng | 116.814                                | 84.546                                              | 50.000                                     | 1.528.087                                          |
| 5   | Vốn chủ sở hữu                                 | Triệu đồng | 121.187                                | 49.852                                              | 38.000                                     | 882.753                                            |
| 6   | Tổng số người lao động                         | Người      | 611                                    | 86                                                  | 86                                         | 229                                                |
| 7   | Số viên chức quản lý (người)                   | Người      | 5                                      | 4                                                   | 6                                          | 5                                                  |
| 8   | Tổng quỹ lương người lao động                  | Triệu đồng | 35.074                                 | 6.782                                               | 10.200                                     | 19.730                                             |
| 9   | Tổng quỹ lương viên chức quản lý               | Triệu đồng | 1.001                                  | 825,6                                               | 2.520                                      | 1.284                                              |